

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1258/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày 5 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**V/v duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2024
huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ (lần 2)**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017, Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 và Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Phú Thọ về việc thông qua Danh mục các dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng phải thu hồi đất; danh mục các dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận; danh mục các dự án chuyển tiếp tại Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 26/8/2019, Nghị quyết số 12/2019/NQ-HĐND ngày 14/11/2019, Nghị quyết số 21/2019/NQ-HĐND ngày 14/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh; danh mục các dự án điều chỉnh, bổ sung tại các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh đang còn hiệu lực; danh mục các dự án thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ chấp thuận;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 07/4/2023 của HĐND tỉnh Phú Thọ thông qua danh mục các dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng phải thu hồi đất; danh mục các dự án có sử dụng đất phải chuyển mục đích đất trồng lúa thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh chấp thuận; danh mục các dự án chuyển tiếp tại Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 04/3/2020 của HĐND tỉnh; danh mục các dự án điều chỉnh, bổ sung tại các Nghị quyết của HĐND tỉnh đang còn hiệu lực; danh mục các dự án chuyển mục đích đất trồng lúa thuộc thẩm quyền Thủ tướng Chính phủ chấp thuận;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐND ngày 04/6/2024 của HĐND tỉnh Phú Thọ thông qua danh mục các dự án thu hồi đất; danh mục các dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh chấp thuận; danh mục các dự án chuyển tiếp tại Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 19/4/2021 của

HĐND tỉnh; danh mục các dự án điều chỉnh, bổ sung tại các Nghị quyết của HĐND tỉnh đang còn hiệu lực;

Căn cứ Quyết định số 128/QĐ-UBND ngày 22/01/2024 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất 2024 huyện Đoan Hùng; Quyết định số 751/QĐ-UBND ngày 17/4/2024 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất 2024 huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ (lần 1);

Theo đề nghị của UBND huyện Đoan Hùng (Tờ trình số 968/TTr-UBND ngày 21/6/2024) và đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường (Tờ trình số 296/TTr-TNMT ngày 03/7/2024).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ (lần 2) với các nội dung chủ yếu sau:

1. Phân bổ diện tích các loại đất:

- Diện tích đất nông nghiệp là 25.201,36 ha, giảm so với Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 3,64 ha. Cụ thể:

+ Diện tích đất trồng lúa là 3.890,34 ha, giảm 3,44 ha.

+ Diện tích đất trồng cây hàng năm khác là 926,86 ha, giảm 0,01 ha;

+ Diện tích đất trồng cây lâu năm là 7.051,82 ha, giảm 1,35 ha;

+ Diện tích đất rừng sản xuất là 12.115,47 ha, tăng 1,24 ha;

+ Diện tích đất nuôi trồng thủy sản là 313,44 ha, giảm 0,16 ha.

- Diện tích đất phi nông nghiệp là 5.000,20 ha, tăng so với Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 3,64 ha.

+ Đất giao thông là 1.462,10 ha, tăng 0,74 ha;

+ Đất thủy lợi là 205,23 ha, giảm 0,27 ha;

+ Đất cơ sở tôn giáo là 16,50 ha, tăng 0,18 ha;

+ Đất ở tại nông thôn là 799,10 ha, tăng 2,67 ha;

+ Đất xây dựng trụ sở cơ quan là 20,97 ha, tăng 0,40 ha.

Chỉ tiêu các loại đất khác giữ nguyên theo Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Đoan Hùng đã được UBND tỉnh phê duyệt.

Biểu 01: Chỉ tiêu diện tích các loại đất điều chỉnh trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Đoan Hùng

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích Kế hoạch đã được phê duyệt (ha)	Diện tích điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch (ha)	So sánh tăng, giảm (ha)
I	LOẠI ĐẤT		30.285,21	30.285,21	0,00
1	Đất nông nghiệp	NNP	25.205,00	25.201,36	-3,64
	<i>Trong đó:</i>				
1.1	Đất trồng lúa	LUA	3.893,78	3.890,34	-3,44
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>2.739,20</i>	<i>2.736,73</i>	<i>-2,47</i>

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích Kế hoạch đã được phê duyệt (ha)	Diện tích điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch (ha)	So sánh tăng, giảm (ha)
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	926,87	926,86	-0,01
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	7.053,09	7.051,82	-1,35
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	265,01	265,01	-
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	606,81	606,81	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	12.114,23	12.115,47	1,24
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	313,60	313,44	-0,16
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKH	31,61	31,61	-
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	4.996,56	5.000,20	3,64
	<i>Trong đó:</i>				
2.1	Đất quốc phòng	CQP	267,95	267,95	-
2.2	Đất an ninh	CAN	25,99	25,99	-
2.3	Đất cụm công nghiệp	SKN	179,82	179,82	-
2.4	Đất thương mại dịch vụ	TMD	22,31	22,31	-
2.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	79,05	79,05	-
2.6	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	35,42	35,42	-
2.7	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.951,08	1.951,73	0,65
	<i>Trong đó:</i>				
-	Đất giao thông	DGT	1.461,36	1.462,10	0,74
-	Đất thủy lợi	DTL	205,50	205,23	-0,27
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	1,99	1,99	-
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	21,63	21,63	-
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo	DGD	69,29	69,29	-
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	13,65	13,65	-
-	Đất công trình năng lượng	DNL	13,55	13,55	-
-	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	1,53	1,53	-
-	Đất có di tích lịch sử văn hóa	DDT	3,56	3,56	-
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	5,88	5,88	-
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	16,32	16,50	0,18
-	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	128,55	128,55	-
-	Đất chợ	DCH	8,27	8,27	-
2.8	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	24,33	24,33	-
2.9	Đất khu vui chơi giải trí công cộng	DKV	0,93	0,93	-
2.10	Đất ở tại nông thôn	ONT	796,51	799,10	2,67
2.11	Đất ở tại đô thị	ODT	46,63	46,63	-
2.12	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	20,57	20,97	0,40
2.13	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	22,95	22,95	-
2.14	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	5,56	5,56	-
2.15	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.175,06	1.175,06	-
2.16	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	331,23	331,23	-
3	Đất chưa sử dụng	CSD	83,65	83,65	0,00

2. Danh mục các công trình, dự án điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Đoan Hùng

Tổng số có 06 công trình, dự án, trong đó: 04 công trình, dự án bổ sung mới và 02 công trình, dự án điều chỉnh.

(Chi tiết theo phụ biểu số 02 kèm theo Quyết định).

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Đoan Hùng theo quy định; tham mưu thực hiện việc thu hồi, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh quyết định theo Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

2. UBND huyện Đoan Hùng có trách nhiệm:

- Tổ chức công bố công khai điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất; đôn đốc chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện tốt nội dung điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 theo đúng quy định của pháp luật về đất đai;

- Thực hiện thu hồi, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng nội dung điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt;

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc quản lý sử dụng đất, giải quyết kịp thời các tranh chấp về đất đai, kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật đất đai, vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký ban hành. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị: Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Công Thương, Công an tỉnh, UBND huyện Đoan Hùng và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thực hiện./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Trọng Tấn

Biểu 02: Danh mục công trình điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ (lần 2)
(Kèm theo Quyết định số: 1258/QĐ-UBND ngày 5 tháng 7 năm 2024 của UBND tỉnh Phú Thọ)

STT	Tên dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Tổng diện tích (ha)	Sử dụng vào các loại đất									Căn cứ pháp lý
					LUC	LUK	HNK	CLN	RSX	NTS	ONT	DGT	DTL	
A	Các công trình bổ sung mới			2,90	1,16	0,90	0,27	0,33	-	-	-	0,21	0,03	
1	Đất ở tại nông thôn			2,32	0,85	0,90	0,06	0,33	-	-	-	0,18	-	
1.1	Khu dân cư nông thôn mới	Xã Vân Du	UBND huyện Đoan Hùng	2,05	0,85	0,90	0,06	0,06				0,18		Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐND ngày 04/6/2024 của HĐND tỉnh
1.2	Chuyển mục đích sang đất ở nông thôn	Xã Minh Tiến 0,07 ha; xã Tiêu Sơn 0,18 ha; xã Ngọc Quan 0,05 ha; xã Chí Đám 0,05 ha	Hộ gia đình, cá nhân	0,35				0,35						Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2030 huyện Đoan Hùng
2	Đất xây dựng cơ sở tôn giáo			0,18	-	-	0,18	-	-	-	-	-	-	
2.1	Nhà thờ Vân Tập	Xã Hợp Nhất	Toà Giám mục Bắc Ninh	0,18			0,18							Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐND ngày 04/6/2024 của HĐND tỉnh
3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan			0,40	0,31	-	0,03	-	-	-	-	0,03	0,03	
3.1	Xây dựng trụ sở làm việc công an xã	Xã Bằng Luân	UBND huyện Đoan Hùng	0,40	0,31		0,03					0,03	0,03	Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐND ngày 04/6/2024 của HĐND tỉnh
B	Công trình, dự án điều chỉnh													
I	Dự án kế hoạch được duyệt			48,40	8,20	-	0,70	11,70	23,98	1,18	1,62	0,76	0,26	
1	Đất ở tại nông thôn			2,40	2,10	-	0,30	-	-	-	-	-	-	
1.1	Khu dân cư nông thôn mới khu Làng Đám (giao đất cho nhân dân làm nhà ở)	Khu 4, xã Ngọc Quan	UBND huyện Đoan Hùng	2,40	2,10		0,30							Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Phú Thọ
2	Đất cụm công nghiệp			46,00	6,10	-	0,40	11,70	23,98	1,18	1,62	0,76	0,26	
1.2	Cụm công nghiệp Ngọc Quan, huyện	Xã Ngọc Quan, huyện Đoan Hùng	Công ty Cổ phần CMC	46,00	6,10		0,40	11,70	23,98	1,18	1,62	0,76	0,26	Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 07/4/2023 của

STT	Tên dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Tổng diện tích (ha)	Sử dụng vào các loại đất									Căn cứ pháp lý
					LUC	LUK	HNK	CLN	RSX	NTS	ONT	DGT	DTL	
	Đoan Hùng													HĐND tỉnh Phú Thọ
II	Dự án sau điều chỉnh (loại đất)			49,10	9,51	0,07	0,44	12,64	22,74	1,34	0,80	1,06	0,50	
1	Đất ở tại nông thôn			3,10	2,20	0,07	0,15	0,45	-	-	-	0,05	0,18	
1.1	Khu dân cư nông thôn mới (giao đất cho nhân dân làm nhà ở)	Khu Cây Quân, khu 6, xã Ngọc Quan	UBND huyện Đoan Hùng	3,10	2,20	0,07	0,15	0,45				0,05	0,18	Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐND ngày 04/6/2024 của HĐND tỉnh
2	Đất cụm công nghiệp			46,00	7,31	-	0,29	12,19	22,74	1,34	0,80	1,01	0,32	
1.2	Cụm công nghiệp Ngọc Quan, huyện Đoan Hùng	Xã Ngọc Quan, Đoan Hùng	Công ty Cổ phần CMC	46,00	7,31		0,29	12,19	22,74	1,34	0,80	1,01	0,32	Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐND ngày 04/6/2024 của HĐND tỉnh